

I. Bảng cân đối kế toán

II. Kết quả hoạt động SXKD

	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.150.881.725	397.881.872.013
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.150.881.725	397.881.872.013
4	Giá vốn hàng bán	191.300.726.979	193.009.431.087
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.850.154.746	204.872.440.926
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.120.050.059	2.887.497.794
7	Chi phí tài chính	38.501.313.887	28.795.216.482
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>38.501.117.920</i>	<i>28.794.957.953</i>
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.518.342.855	17.124.493.187
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.950.548.063	161.840.229.051
11	Thu nhập khác	17.727.750	-
12	Chi phí khác	-	-
13	Lợi nhuận khác	17.727.750	-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.968.275.813	161.840.229.051
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.972.551.512	8.176.379.438
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.995.724.301	153.663.849.613
18	Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	1.420	2.255